

NGHỊ QUYẾT
CỦA HỘI NGHỊ TỈNH ỦY LẦN THỨ 3 (KHÓA XX)
về huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực
để đẩy mạnh phát triển công nghiệp

I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Công nghiệp là ngành kinh tế quan trọng, đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế và thu ngân sách của tỉnh, trở thành ngành xuất khẩu chủ đạo, kim ngạch năm 2020 đạt 1,3 tỷ USD và là ngành giải quyết việc làm cho nhiều lao động. Trong những năm qua, tỉnh Quảng Ngãi tập trung thực hiện nhiệm vụ đột phá phát triển công nghiệp; năm 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19, tác động bất lợi đến hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng ngành công nghiệp vẫn đạt được những kết quả quan trọng. Giai đoạn 2016 - 2020, giá trị sản xuất công nghiệp (GOCN) tăng 4,66%/năm, giá trị tăng thêm công nghiệp (VACN) tăng 4,88%/năm (*vượt mục tiêu Nghị quyết XIX*).

Cơ cấu ngành công nghiệp trong GRDP của tỉnh luôn chiếm tỷ trọng cao, năm 2020 là 47,45%; cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp cũng có sự chuyển biến tích cực, tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ngày càng tăng, một số ngành công nghiệp như: Lọc hóa dầu, luyện kim, cơ khí chế tạo, dệt may, chế biến nông lâm thủy sản, điện, điện tử... đã có những bước phát triển khá.

Hạ tầng Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp và cụm công nghiệp được quan tâm đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư, khai thác thế mạnh sẵn có của địa phương để phát triển công nghiệp. Công tác xúc tiến đầu tư được đẩy mạnh, thu hút được nhiều dự án, trong đó có một số dự án lớn có sức lan tỏa; phát triển được một số doanh nghiệp hỗ trợ ngành dệt may, da giày. Chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sản xuất có bước cải thiện, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề tăng lên.

2. Tuy nhiên, phát triển công nghiệp chưa tương xứng tiềm năng, lợi thế, chủ yếu phát triển theo chiều rộng, thiếu tính bền vững, khả năng cạnh tranh còn hạn chế. Công nghiệp chế biến, chế tạo phần lớn hoạt động ở phân khúc thấp trong chuỗi giá trị. Công nghiệp hỗ trợ phát triển chậm. Sản phẩm công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao,

sản phẩm công nghiệp mới không nhiều. Một số sản phẩm chủ lực có xu hướng giảm. Đa số các cơ sở sản xuất công nghiệp có quy mô nhỏ, máy móc thiết bị, công nghệ chưa hiện đại, năng suất lao động, sức cạnh tranh và khả năng hội nhập thấp. Sản phẩm chế biến thô và gia công còn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu ngành công nghiệp và cơ cấu hàng hóa xuất khẩu. Việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất chưa nhiều. Công tác xúc tiến đầu tư vào khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp được quan tâm nhưng hiệu quả còn hạn chế, chưa thu hút được nhiều dự án lớn, có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Một số dự án đã đăng ký đầu tư nhưng chưa triển khai hoặc triển khai chậm tiến độ, nhiều dự án bị thu hồi đã ảnh hưởng đến tốc độ phát triển ngành. Lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao chưa đáp ứng nhu cầu, đa số lao động công nghiệp có trình độ, tay nghề thấp. Tình trạng ô nhiễm môi trường trong sản xuất công nghiệp gia tăng, một số cơ sở sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm môi trường, khí thải độc hại nhưng chưa được xử lý có hiệu quả. Hiệu quả sử dụng đất trong sản xuất công nghiệp không cao, một số nơi lãng phí sử dụng đất công nghiệp. Nguồn lực đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp còn phụ thuộc lớn vào ngân sách nhà nước; hoạt động xã hội hoá, thu hút các thành phần kinh tế khác tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng còn nhiều hạn chế. Hạ tầng Khu công nghiệp Phố Phong chưa phát triển.

Những hạn chế trên có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu: Nhận thức của một số cấp ủy và chính quyền về huy động, sử dụng các nguồn lực để đẩy mạnh phát triển công nghiệp chưa đầy đủ, hạn chế tầm nhìn bao quát tổng thể và dài hạn trong quy hoạch, bố trí đầu tư và kiểm soát môi trường; chưa tạo được nhận thức chung và quyết tâm hành động thống nhất trong toàn hệ thống chính trị. Sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc của một số cấp ủy còn thụ động, thiếu quyết liệt; năng lực tham mưu, tổ chức, thực thi chính sách của một bộ phận cán bộ, công chức còn yếu, một số cán bộ, công chức chưa tận tâm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ, chưa ngang tầm với yêu cầu đột phá; công tác quản lý nhà nước về công nghiệp còn nhiều hạn chế, việc quản lý và triển khai thực hiện quy hoạch còn bất cập; các chủ trương, chính sách của tỉnh về phát triển công nghiệp còn thiếu tổng thể, chưa đồng bộ, chưa sát với tình hình thực tế, chưa tạo lập được môi trường đầu tư kinh doanh thực sự thuận lợi. Chính sách huy động và sử dụng các nguồn lực cho phát triển công nghiệp còn thiếu hiệu quả, chưa có đột phá; chính sách phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp thiếu trọng tâm, trọng điểm, chưa đáp ứng được yêu cầu;

chính sách khoa học và công nghệ chưa trở thành động lực quan trọng nhất cho phát triển nhanh và bền vững công nghiệp; chính sách thu hút đầu tư chậm được đổi mới...

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU

Quảng Ngãi có vị trí chiến lược trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, vừa có đồng bằng, miền núi, vừa có biển, hải đảo và đặc biệt là có hệ thống cảng nước sâu rất thuận lợi cho phát triển công nghiệp, thương mại, xuất nhập khẩu. Trên địa bàn tỉnh hiện có Khu kinh tế Dung Quất, diện tích 45.000 ha, hệ thống kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư ngày càng đồng bộ, hạt nhân phát triển là Nhà máy lọc dầu và Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ VSIP. Gắn kết cùng sự phát triển của Khu kinh tế Dung Quất, Quảng Ngãi còn có 03 khu công nghiệp, 18 cụm công nghiệp giữ vai trò vệ tinh. Đây là những thế mạnh, thuận lợi để tỉnh Quảng Ngãi huy động cho thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trong giai đoạn 2021 - 2025, tình hình thế giới, khu vực, Biển Đông, biến đổi khí hậu, dịch bệnh có xu hướng tiếp tục diễn biến hết sức phức tạp, khó lường; cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tác động nhanh, sâu, rộng đến các hoạt động kinh tế, tạo ra cả thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen đối với phát triển công nghiệp của tỉnh. Hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, độ mở nền kinh tế ngày càng lớn và việc thực hiện đầy đủ các hiệp định thương mại tự do, tự do thể hệ mới mở ra thị trường xuất nhập khẩu rộng lớn, nhiều cơ hội thu hút đầu tư và tiếp nhận chuyển giao công nghệ mới từ nước ngoài, sẽ có những tác động tích cực đến phát triển công nghiệp nhanh, bền vững. Tuy nhiên, phát triển công nghiệp cũng đối mặt với không ít khó khăn, thách thức: dịch Covid-19 nhiều khả năng kéo dài, gây khủng hoảng đến hoạt động sản xuất, thương mại; cạnh tranh trong thu hút đầu tư và cạnh tranh trong thương mại ngày càng gay gắt hơn; thiếu các doanh nghiệp quy mô lớn, có khả năng dẫn dắt hình thành các cụm liên kết ngành theo chuỗi giá trị và một số hạn chế nội tại khác cần khắc phục.

Trong bối cảnh đó, Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 3, khóa XX ban hành Nghị quyết về huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đẩy mạnh phát triển công nghiệp với các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp như sau:

1. Quan điểm chỉ đạo

- Chủ động xây dựng, thực hiện có hiệu quả các chính sách, giải pháp vừa phòng chống, khắc phục tác động của dịch bệnh, trước mắt là dịch Covid-19 và vừa bảo đảm phát triển sản xuất công nghiệp, thương

mai.

- Nâng cao hiệu quả huy động và sử dụng các nguồn lực, khắc phục các tồn tại, yếu kém để phát triển công nghiệp nhanh, bền vững; hài hòa theo cả chiều rộng và chiều sâu, lấy tăng trưởng, phát triển theo chiều sâu làm hướng chủ đạo, tạo bước đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp.

- Khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo giữ vị trí then chốt, là khâu đột phá trong phát triển công nghiệp; nâng cao năng lực ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ, khai thác hiệu quả cơ hội cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, chiến lược, công nghiệp chế biến chế tạo, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ mới, công nghiệp sạch, công nghiệp môi trường, công nghiệp hỗ trợ,...theo lợi thế cạnh tranh và tăng dần hàm lượng công nghệ, tri thức trong sản phẩm công nghiệp.

- Xây dựng hoàn thiện, đồng bộ các cơ chế, chính sách cho phát triển công nghiệp, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, ổn định, minh bạch, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh. Đa dạng hoá các hình thức huy động và sử dụng các nguồn lực; thúc đẩy xã hội hoá, thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất trong công nghiệp.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong huy động, sử dụng các nguồn lực cho phát triển công nghiệp, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, hủy hoại môi trường; gắn kết bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong công tác quản lý, khai thác, huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ phát triển công nghiệp nhanh và bền vững; công nghiệp tiếp tục giữ vai trò là động lực quan trọng trong tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đẩy mạnh phát triển một số ngành công nghiệp có khả năng cạnh tranh, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Phấn đấu đưa tỉnh Quảng Ngãi cơ bản trở thành tỉnh có công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2030.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp đạt bình quân từ 8 - 9%/năm, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo đạt bình quân từ 7 - 8%/năm.

- Tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ trong GRDP khoảng 69 - 70%.

Riêng tỷ trọng công nghiệp trong GRDP khoảng 36 - 37%; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đạt trên 30%, trong đó công nghiệp chế tạo đạt trên 12%.

- Tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo đạt tối thiểu 10%.

- Tỷ lệ lao động trong khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ đạt trên 63% tổng số lao động toàn tỉnh; trong đó, khu vực công nghiệp, xây dựng đạt khoảng 30 - 32%.

- Tốc độ tăng năng suất lao động công nghiệp đạt bình quân 6,5 - 7%/năm.

- Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường là 92%. Các cụm công nghiệp đang hoạt động, cơ bản hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, từng bước đầu tư xây dựng hệ thống bảo vệ môi trường phù hợp.

- Phân đầu giai đoạn 2021 - 2025, Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp thu hút đầu tư khoảng 5 - 6 tỷ USD, các cụm công nghiệp thu hút khoảng 800 tỷ đồng, trong đó vốn thực hiện đạt 75% trở lên.

- Xây dựng được một số cụm liên kết ngành công nghiệp, doanh nghiệp công nghiệp có quy mô lớn, có năng lực cạnh tranh quốc tế.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp

- Nghiên cứu, điều chỉnh phân bố không gian công nghiệp trong Quy hoạch tỉnh phù hợp với yêu cầu cơ cấu lại các ngành công nghiệp. Phân bố không gian công nghiệp phải bảo đảm tập trung, trọng tâm, trọng điểm, có lợi thế về giao thông, địa kinh tế, tài nguyên, lao động, logistics, có khả năng trở thành động lực tăng trưởng; phân bố các cơ sở chế biến nông, lâm sản hợp lý theo hướng gắn với việc phát triển vùng nguyên liệu tập trung và tiêu thụ sản phẩm.

Trước hết, tập trung hoàn thành điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó làm rõ quỹ đất công nghiệp, dịch vụ và dành quỹ đất thích hợp để phát triển nhà ở, công trình xã hội, văn hóa, thể thao cho người lao động; chủ động phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng Đề án Quy hoạch Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất. Xây dựng Đề án phát triển Khu kinh tế Dung Quất trở thành một trong những trung tâm công nghiệp ven biển trọng điểm của khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ với trọng tâm là các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo, công nghiệp có hàm

lượng công nghệ, giá trị gia tăng cao.

- Xây dựng và thực hiện hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng khuyến khích phát triển ngành công nghiệp chế tạo, công nghiệp có công nghệ hiện đại, tạo ra giá trị gia tăng cao; Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Hình thành thí điểm về cụm liên kết ngành công nghiệp đối với một số sản phẩm trong các ngành công nghiệp ưu tiên.

- Tập trung phát triển một số ngành công nghiệp nền tảng như công nghiệp năng lượng, lọc hóa dầu, hóa chất, cơ khí chế tạo, luyện kim, vật liệu... Ưu tiên phát triển mạnh mẽ một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ mới, công nghệ cao như công nghệ thông tin - viễn thông, công nghiệp điện tử, công nghiệp hóa dược, sản xuất chế phẩm sinh học, công nghiệp môi trường, công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, năng lượng thông minh, công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ nông nghiệp, vật liệu mới và công nghiệp hỗ trợ liên quan đến hóa dầu, luyện kim, cơ khí, điện - điện tử, chế biến nông, lâm, thủy sản; tiếp tục phát triển công nghiệp dệt may, da giày, tập trung vào các khâu tạo giá trị gia tăng cao. Gắn kết phát triển công nghiệp dân sinh và công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng lưỡng dụng.

- Hình thành khu công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin tập trung tạo cơ sở, điều kiện để phát triển kinh tế số, xã hội số gắn với bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

- Phát triển các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn tỉnh thực sự trở thành một động lực quan trọng cho phát triển công nghiệp; khuyến khích hình thành, phát triển các tập đoàn kinh tế, các doanh nghiệp tư nhân có quy mô lớn trong lĩnh vực công nghiệp và các doanh nghiệp dịch vụ tư vấn phát triển công nghiệp. Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp lớn trong nước với doanh nghiệp của tỉnh để hỗ trợ tham gia sâu hơn vào các chuỗi giá trị trong nước và quốc tế trên lĩnh vực công nghiệp.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án công nghiệp trọng điểm, quy mô lớn, trước mắt là: Dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Dự án Khu Công nghiệp VSIP, các dự án Điện khí tại Khu kinh tế Dung Quất, ... có tác động lan tỏa, thúc đẩy phát triển công nghiệp.

2. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ cho phát triển công nghiệp

2.1. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực cho ngành

công nghiệp

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực công nghiệp, tập trung phát triển nhân lực có tay nghề, trình độ chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đặc biệt là yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Thực hiện hiệu quả phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông. Rà soát, sắp xếp các cơ sở đào tạo nghề, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển một số cơ sở đào tạo bậc đại học và dạy nghề về công nghệ, kỹ thuật trên địa bàn tỉnh đạt trình độ quốc tế, nhằm tạo ra nguồn nhân lực công nghiệp có khả năng làm chủ và tiếp nhận các công nghệ sản xuất mới; gắn kết quả đào tạo với giải quyết việc làm theo địa chỉ.

Đẩy mạnh xã hội hóa đào tạo kỹ thuật, công nghệ; khuyến khích khu vực tư nhân và các doanh nghiệp tham gia đào tạo nhân lực công nghiệp chất lượng cao, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, đào tạo với hoạt động sản xuất, kinh doanh và nhu cầu thị trường lao động của ngành công nghiệp.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách phát triển nhân lực công nghiệp. Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng nhân tài có trình độ kỹ thuật chuyên môn cao, có năng lực đổi mới sáng tạo; hình thành đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành trong các lĩnh vực công nghiệp có lợi thế cạnh tranh. Có đề án, chính sách để định hướng chuyển dịch lao động, nhất là lao động nông nghiệp sang lao động công nghiệp, phân bổ hợp lý lao động theo vùng.

- Tăng cường xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ doanh nhân có trình độ chuyên môn cao, kỹ năng quản lý, quản trị hiện đại, có đạo đức kinh doanh và tinh thần trách nhiệm đối với sự phát triển chung của tỉnh.

- Quan tâm xây dựng đội ngũ công nhân có tác phong công nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tay nghề cao, có năng lực tiếp thu và sáng tạo công nghệ mới, lao động đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao.

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu phát triển ngành công nghiệp trong giai đoạn mới.

2.2. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ cho phát triển công nghiệp

- Rà soát, hoàn thiện, ban hành mới các cơ chế, chính sách về khoa học, công nghệ bảo đảm đồng bộ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát

triển công nghiệp. Trong đó, tập trung:

+ Xây dựng Đề án hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa, hiện đại hóa công nghệ, nâng cao năng suất, sức cạnh tranh sản phẩm công nghiệp. Định hướng và kiểm soát chặt chẽ công nghệ đối với ngành công nghiệp, nhất là việc nhập khẩu máy móc thiết bị, công nghệ công nghiệp bảo đảm chất lượng, hiệu quả, không gây ô nhiễm môi trường.

+ Nghiên cứu có chính sách đủ mạnh để hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, trường đại học, các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất để nâng cao năng suất lao động, chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp; xác định doanh nghiệp là trung tâm trong phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ.

+ Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo khoa học công nghệ trong các lĩnh vực, ngành công nghiệp chủ lực, ưu tiên. Hỗ trợ xây dựng và phát triển các doanh nghiệp khoa học công nghệ trong công nghiệp, đặc biệt là các ngành công nghiệp ưu tiên. Đẩy mạnh hỗ trợ xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

+ Chuyển đổi cơ chế đầu tư, quản lý tài chính trong lĩnh vực khoa học, công nghệ theo nguyên tắc nhà nước đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và mua kết quả nghiên cứu cuối cùng, dựa vào tiêu chí hiệu quả.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các Chương trình khoa học, công nghệ phát triển sản phẩm, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa quốc gia và địa phương nhằm phục vụ nghiên cứu, phát triển sản phẩm công nghiệp theo chuỗi giá trị, trong đó ưu tiên tập trung vào các khâu tạo giá trị gia tăng cao gắn với các quy trình sản xuất thông minh, tự động hóa.

3. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vật lực để đẩy mạnh phát triển công nghiệp

3.1. Khai thác tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu trong quá trình phát triển công nghiệp

- rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện cơ chế, chính sách bảo đảm đồng bộ, minh bạch các yếu tố thị trường để có khả năng vốn hóa các nguồn lực tài nguyên; xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phát triển công nghiệp hợp lý, hiệu quả; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận đất đai theo cơ chế thị trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả quy hoạch, kế hoạch

quản lý, khai thác sử dụng các nguồn tài nguyên cung cấp cho sản xuất công nghiệp tại Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác, chế biến, xuất khẩu khoáng sản; chỉ cho phép khai thác, chế biến khoáng sản với công nghệ hiện đại, tiết kiệm, bảo vệ môi trường, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội bền vững; xử lý nghiêm việc khai thác tài nguyên trái phép.

- Thực hiện lồng ghép các yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, ứng phó với sự cố tràn dầu, bảo vệ môi trường trong quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển công nghiệp. Có cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển mạnh ngành công nghiệp môi trường và đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường.

- Nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường, môi trường chiến lược. Phòng ngừa, kiểm soát và xử lý có hiệu quả các tác động đến môi trường của các dự án công nghiệp, nhất là các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

3.2. Phát triển hạ tầng công nghiệp đồng bộ, hiện đại, tạo động lực phát triển công nghiệp

- rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích, đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng đồng bộ, hoàn chỉnh, đảm bảo các tiêu chí về bảo vệ môi trường. Xây dựng Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

- Huy động các nguồn lực phát triển hệ thống giao thông, cảng biển theo quy hoạch, ưu tiên các công trình trọng điểm, có sức lan tỏa, kết nối đồng bộ với hạ tầng Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cảng biển.

- Phát triển hạ tầng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng đáp ứng yêu cầu phát triển. Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp hệ thống truyền tải, phân phối điện, nhất là ở vùng nông thôn và miền núi.

- Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu dùng chung bảo đảm đồng bộ, hiện đại, kết nối liên thông giữa các cấp, các ngành gắn với bảo đảm an ninh, an toàn thông tin.

- Đầu tư, kêu gọi đầu tư hạ tầng xã hội thiết yếu (*nhà ở xã hội, các công trình phúc lợi công cộng,...*) cho người lao động tại Khu kinh tế Dung Quất, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Hỗ trợ nhà đầu tư sớm đầu tư mở rộng Khu công nghiệp VSIP Quảng Ngãi; Khu công nghiệp – đô thị Dung Quất; Khu công nghiệp

nhẹ Bình Hòa – Bình Phước. Đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Phô Phong.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng; kiên quyết chấm dứt đầu tư đối với các dự án kém hiệu quả, kéo dài, gây lãng phí đất đai.

4. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn tài lực để đẩy mạnh phát triển công nghiệp

4.1. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thật sự thông thoáng, thuận lợi, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo

- Xây dựng Danh mục các dự án công nghiệp ưu tiên kêu gọi đầu tư vào tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình xúc tiến đầu tư phát triển Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025.

- Có cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp có giá trị gia tăng cao, các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ,... Nâng cao khả năng tiếp cận tài chính, tín dụng cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hợp tác xã, các doanh nghiệp đổi mới, sáng tạo.

- Đổi mới chính sách thu hút đầu tư phát triển công nghiệp; đẩy mạnh thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch. Chuyển thu hút FDI trong lĩnh vực công nghiệp từ số lượng sang chất lượng và có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên thu hút đầu tư các dự án FDI có khả năng chuyển giao công nghệ tiên tiến và quản trị hiện đại, có khả năng liên kết và hỗ trợ doanh nghiệp trong tỉnh tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Đẩy mạnh liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành trong vùng để huy động các nguồn lực cho phát triển. Kiên quyết không cấp phép đầu tư các dự án công nghiệp sử dụng công nghệ lạc hậu, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Hướng dẫn và hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp tham gia có hiệu quả các hiệp định thương mại đã ký kết. Triển khai hiệu quả các chương trình xúc tiến thương mại, chương trình khuyến công quốc gia và địa phương đối với các sản phẩm công nghiệp. Đa dạng hóa thị trường nhập khẩu nguyên liệu, thiết bị phục vụ phát triển công nghiệp và thị trường xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp, tránh phụ thuộc vào một số thị trường. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường.

- Tăng cường đối thoại với doanh nghiệp, tháo gỡ khó khăn,

vướng mắc trong đầu tư kinh doanh. Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa và công khai thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, nhà đầu tư đến giải quyết công việc, nghiên cứu tìm hiểu cơ hội hợp tác, đầu tư các dự án công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện đồng bộ và quyết liệt các đề án, chương trình hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia.

4.2. Cân đối bố trí nguồn kinh phí phù hợp với tình hình ngân sách và kinh tế - xã hội của tỉnh để triển khai thực hiện nhiệm vụ đột phá về phát triển công nghiệp.

5. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước về phát triển công nghiệp

- Các cấp ủy đảng và chính quyền tiếp tục tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức và tổ chức thực hiện nghiêm túc, đồng bộ mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Nghị quyết, xem đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng của cả hệ thống chính trị cần quyết liệt, kiên trì thực hiện; đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

- Cấp ủy, chính quyền phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan định kỳ gặp gỡ, đối thoại, nắm bắt tâm tư, tình cảm, định hướng tư tưởng, giải quyết kịp thời nhu cầu, nguyện vọng của người dân, doanh nghiệp có liên quan, tạo sự đồng thuận, thống nhất trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghiệp ở địa phương.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng nghiên cứu, quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết phù hợp với tình hình của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị mình; định kỳ kiểm tra, đánh giá việc thực hiện.

2. Đảng đoàn Hội đồng Nhân dân tỉnh chỉ đạo bổ sung Chương trình xây dựng cơ chế, chính sách trực tiếp phục vụ việc triển khai thực hiện Nghị quyết; tăng cường giám sát của Hội đồng nhân dân về xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách về huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực về đẩy mạnh phát triển công nghiệp.

3. Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo việc cụ thể hóa nội dung Nghị quyết thành các đề án, cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch hành động với lộ trình và phân công trách nhiệm cụ thể cho tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng chương trình, kế hoạch về tuyên truyền và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

5. Ban cán sự đảng UBND tỉnh giúp Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết và báo cáo cho Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị (báo cáo),
- Ban Bí thư Trung ương Đảng (báo cáo),
- Các ban đảng Trung ương (báo cáo),
- Vụ địa phương Ban Kinh tế Trung ương (báo cáo),
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- C, PCVP Tỉnh ủy, P.Tổng hợp,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ

Bùi Thị Quỳnh Vân